TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 299/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13/8/2024
V*/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng; Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Phùng Thị Mai – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 180/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 226/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đặng Văn M, sinh năm 1990; ĐKHKTT: Thôn H, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở hiện nay: Đài Loan.

Người được anh M ủy quyền giao nhận văn bản: Chị Vũ Thị C, sinh năm 1990; ĐKHKTT: KDC T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn*: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1989; ĐKHKTT: Thôn H, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở hiện nay: Nhật Bản.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Vũ Kim V, sinh năm 1960 và bà Đoàn Thị H1, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương (là bố mẹ đẻ chị Vũ Thị H).

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin vắng mặt nguyên đơn anh Đặng Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 01/12/2009 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh ở thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương, được một thời gian thì vợ chồng chuyển ra ở riêng tại thôn H, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương. Đến năm 2016 chị H đi lao động ở Nhật Bản, năm 2018 anh cũng đi lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu vợ chồng mới sống xa nhau thì vẫn liên lạc, quan tâm đến nhau nhưng sau đó thì ít liên lạc hơn, mỗi khi gọi điện lại xẩy ra cãi vã. Dần dần tình cảm phai nhạt vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định mâu thuẫn giữa anh và chị H đã trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Đặng Diệu L, sinh ngày 28/9/2010 và Đặng Tiến D, sinh ngày 11/4/2014, hiện nay các cháu đang ở với ông bà ngoại là ông Vũ Kim V và bà Đoàn Thị H1. Anh xin được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp nếu chị H cũng muốn nuôi con thì anh nhất trí để chị H nuôi con. Do đang ở nước ngoài nên nếu trường hợp anh được nuôi con thì anh vẫn tiếp tục ủy quyền cho ông V, bà H1 chăm sóc các cháu trong thời gian anh ở nước ngoài.

Về tài sản chung, nợ chung*:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc bận nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Kim V và bà Đoàn Thị H1 trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của chị Vũ Thị H, hiện nay chị H đang ở Nhật Bản, địa chỉ của chị H ở đó ông bà không biết. Chị H vẫn thường xuyên gọi điện về cho ông bà. Vợ chồng chị H, anh M quá trình chung sống xẩy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M chơi bời, ngoại tình. Chị H một mình phải lo toan cho gia đình. Nhiều lần chị H có ý định làm đơn ly hôn với anh M nhưng do thấy anh M đưa gái về nhà làm ảnh hưởng đến các con nên chị H quyết định không làm thủ tục ly hôn nữa mà để kệ cho anh M tự giải quyết. Ông bà là bố mẹ đẻ của chị H không có quyền can thiệp vào việc của vợ chồng chị H. Anh M làm đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Về con chung: Chị H và anh M có 2 con chung là Đặng Diệu L, sinh ngày 28/9/2010 và Đặng Tiến D, sinh ngày 11/4/2014 từ khi còn bé cho đến nay các cháu vẫn ở cùng với ông bà. Việc anh

M xin ly hôn chị H và giải quyết về con chung như thế nào ông bà không can thiệp, các cháu muốn ở với ai cũng được. Do chị H đang ở nước ngoài nên trường hợp chị H được giao nuôi con thì ông bà sẽ hỗ trợ chị H chăm sóc các cháu cho đến khi chị H về nước. Tòa án giải thích ông bà là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định, ông bà không đến Tòa án làm việc và cũng không nhận bất kỳ văn bản nào của Tòa án. Tòa án đề nghị ông bà nhận văn bản tố tụng thay cho chị H sau đó thông báo cho chị H biết, ông bà từ chối không nhận thay.

Cháu Đặng Diệu L, Đặng Tiến D trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với mẹ và tiếp tục ở với ông bà ngoại.

Theo xác minh tại Cục Q: Chị Vũ Thị H nhiều lần xuất nhập cảnh, xuất cảnh lần gần nhất ngày 06/6/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Các đương sự đều vắng mặt, tại đơn xin vắng mặt anh M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt họ là đúng pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử cho anh Đặng Văn M ly hôn chị Vũ Thị H; Về con chung: Giao 2 con chung là Đặng Diệu L, Đăng Tiến D1 cho chị H trực tiếp nuôi, anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con là 2.500.000đ/tháng x 2 con = 5.000.000đ/tháng; Về án phí: Anh M phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Vũ Thị H, nguyên đơn anh Đặng Thế M1 có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn H, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương hiện

đang làm việc, sinh sống tại Nhật Bản và Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù anh M1 không có mặt ở Việt Nam nhưng anh đã gửi đơn xin ly hôn và ủy quyền cho chị Vũ Thị C nộp đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Đơn của anh đã được Văn phòng K tại Đ chứng thực. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của anh là hoàn toàn tự nguyện. Nguyên đơn anh M1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn chị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H1, ông V đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Văn M, chị Vũ Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn 01/12/2009 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Anh M xác định mâu thuẫn của anh và chị H đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị H. Chị H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không thể hiện quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà H1, ông V là bố đẻ của chị H xác định quá trình vợ chồng anh M, chị H chung sống đã xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh M chơi bời, ngoại tình, chị H đã có ý định làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó không làm mà để cho anh M tự giải quyết. Như vậy có đủ cơ sở xác định quá trình anh M, chị H chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, năm 2016 chị H đi lao động ở Nhật Bản, năm 2018 anh M đi lao động ở Đài Loan, vợ chồng không ở cùng nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh M, chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh M, xử cho anh M được ly hôn với chị H.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh M, chị H có 2 con chung là Đặng Diệu L, sinh ngày 28/9/2010 và Đặng Tiến D, sinh ngày 11/4/2014. Anh M đề nghị giải quyết theo quy định nếu các cháu có nguyện vọng với với mẹ, anh nhất trí để cho chị H nuôi con và sẽ cấp dưỡng theo quy định. Xét thấy cháu Diệu L, Tiến Doanh đều đã trên 7 tuổi, các cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Từ khi các cháu còn nhỏ đã ở với ông bà ngoại là ông Vũ Kim V, bà Đoàn Thị H1. Sau khi anh M, chị H đi lao động ở nước ngoài thì ông V, bà H1 là trực tiếp chăm sóc

các cháu, điều kiện về chỗ ở, học tập đều đảm bảo. Do đó HĐXX, giao cả 2 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi con là 2.500.000đ/tháng, kể từ tháng 8/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Tạm giao con chung Đặng Diệu L, Đặng Tiến D cho ông Vũ Kim V, bà Đoàn Thị H1 nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi chị Vũ Thị H về Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không không yêu cầu do đó HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Anh M là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Văn M, xử cho anh Đặng Văn M ly hôn chị Vũ Thị H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Đặng Diệu L, sinh ngày 28/9/2010 và Đặng Tiến D, sinh ngày 11/4/2014 cho chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Đặng Văn M cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con là 2.500.000đ/tháng x 2 con = 5.000.000đ/tháng, kể từ tháng 8/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh M được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

Tạm giao con chung Đặng Diệu L, Đặng Tiến D cho ông Vũ Kim V, bà Đoàn Thị H1 nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi chị Vũ Thị H về Việt Nam.

3. Án phí: Anh Đặng Văn M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng, tổng bằng 600.000đ, được đối trừ tiền tạm ứng án

phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0000598 ngày 10 tháng 4 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do chị Vũ Thị C nộp thay), còn phải nộp 300.000đ.

Kể từ khi chị H có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh M không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, T1, Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy